**Phụ lục II**

**CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ NĂM 2020**

(*Kèm theo Báo cáo số /BC-STTTT ngày tháng 12 năm 2020 của*

 *Sở Thông tin và Truyền thông*)

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Năm 2020** | **Kết quả thực hiện** | **Diễn giải** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương | 5% |  | Sở Thông tin và Truyền thông đang phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện chuẩn hóa hệ thống iGate để thống nhất mỗi công dân chỉ có một mã định danh duy nhất ứng với 01 số điện thoại; 01 số CMND, 01 số sổ BHXH duy nhất. |
| 2 | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng hồ sơ giải quyết TTHC của địa phương | 20% | Chưa đạt | 15% (407.713 /2.696.167) |
| 3 | Tỷ lệ tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của địa phương với Cổng dịch vụ công quốc gia | 10% | Đạt | 23,4% (tính đến ngày 15/12/2020) |
| 4 | Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh | 40% | Đạt | 97,2% (344.346/ 354.159) |
| 5 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 | 60% | Đạt | 60% |
| 6 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 | 30% | Chưa đạt | 23,6% |
| 7 | Cổng dịch vụ công của tỉnh cung cấp giao diện cho các thiết bị di động | 100% | Đạt | 100% |
| 8 | Tỷ lệ dịch vụ công được hỗ trợ giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp | 100% | Đạt | 100% |
| 9 | Tỷ lệ cơ quan nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến | 30% | Đạt | 100% |
| 10 | Tỷ lệ Cổng, trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tuân thủ quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP và Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND | 100% | Đạt | 100% |
| 11 | Tỷ lệ dịch công trực tuyến sử dụng chữ ký số trên nền tảng di động để thực hiện TTHC | 10% | - | Hiện nay hệ thống iGate đã hoàn thiện tích hợp ký số trên nền tảng di động để thực hiện TTHC |
| 12 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử | 30% | Chưa đạt | 19,6%(66.889/340.504) |
| 13 | Tỷ lệ thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến | 10% | Đạt | Tỷ lệ 100% đối với Công dân đăng nhập nộp hồ sơ trên Hệ thống iGate |
| 14 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp | 10% | Đạt | Hiện tại Hệ thống iGate chỉ đồng bộ hồ sơ lĩnh vực Đăng ký doanh nghiệp, còn lại vẫn sử dụng phần mềm của nghành dọc |
| 15 | Tỷ lệ phần mềm quản lý văn bản và điều hành của địa phương được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử | 100% | Đạt | 100% |
| 16 | Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử | 90% | Đạt | 90% |
| 17 | Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng | 80% | Đạt | 90% |
| 18 | Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng | 60% | Đạt | 60% |
| 19 | Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng | 30% | Đạt | 30% |
| 20 | Tỷ lệ báo cáo định kỳ (không bao gồm các nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia | 20% |  | Ngày 21/9/2020 Văn phòng UBND tỉnh có Báo cáo số 614/BC-VPUBND Báo cáo Đánh giá kết quả triển khai thí điểm phần mềm Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh (Lris) |
| 21 | Rút ngắn thời gian họp, giảm tối đa việc gửi sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, văn phòng điện tử | 20% | Đạt | Mới chỉ sử dụng qua hệ thống iDesk và thí điểm chuyển tài liệu họp qua website tailieuhop.daklak.gov.vn (30%) |
| 22 | Tỷ lệ cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp huyện kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước | 100% | Đạt | 100% |